

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố và xếp hạng Chỉ số chuyển đổi số của cơ quan nhà nước
trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk năm 2022**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số Quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;

Căn cứ Quyết định số 922/QĐ-BTTTT ngày 20/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt Đề án “Xác định Bộ chỉ số đánh giá chuyên đổi số của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và của quốc gia”;

Căn cứ Quyết định số 2534/QĐ-UBND ngày 11/11/2022 về Bộ chỉ số đánh giá Chuyển đổi số của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Xét đề nghị của Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 69/TTr-STTTT ngày 30/6/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt và công bố Chỉ số Chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk năm 2022 của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh, như sau:

1. Các Sở, ban, ngành:

STT	Đơn vị	Tổng điểm	Xếp hạng
1	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	0,81979	1
2	Sở Tư pháp	0,81735	2
3	Sở Công Thương	0,79511	3

STT	Đơn vị	Tổng điểm	Xếp hạng
4	Sở Thông tin và Truyền thông	0,78595	4
5	Sở Giáo dục và Đào tạo	0,784	5
6	Sở Xây dựng	0,77915	6
7	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	0,77875	7
8	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	0,77135	8
9	Sở Nội vụ	0,75553	9
10	Sở Y tế	0,74929	10
11	Sở Tài chính	0,74192	11
12	Sở Ngoại vụ	0,7299	12
13	Sở Kế hoạch và Đầu tư	0,72617	13
14	Sở Khoa học và Công nghệ	0,72261	14
15	Ban Dân tộc	0,70348	15
16	Sở Tài nguyên và Môi trường	0,67884	16
17	Thanh tra tỉnh	0,67374	17
18	Sở Giao thông vận tải	0,64125	18

2. UBND các huyện, thị xã, thành phố:

STT	Đơn vị	Tổng điểm	Xếp hạng
1	UBND thành phố Buôn Ma Thuột	0,82369	1
2	UBND huyện Ea H'leo	0,79303	2
3	UBND huyện Krông Pắc	0,73937	3
4	UBND huyện Krông Năng	0,72844	4
5	UBND huyện Buôn Đôn	0,66587	5
6	UBND thị xã Buôn Hồ	0,63817	6

STT	Đơn vị	Tổng điểm	Xếp hạng
7	UBND huyện Lắk	0,62485	7
8	UBND huyện Krông Búk	0,60537	8
9	UBND huyện Krông Ana	0,58926	9
10	UBND huyện M'Drắk	0,55264	10
11	UBND huyện Ea Kar	0,54907	11
12	UBND huyện Cư Kuin	0,53198	12
13	UBND huyện Krông Bông	0,52774	13
14	UBND huyện Cư M'gar	0,52293	14
15	UBND huyện Ea Súp	0,52187	15

(Chi tiết Kết quả Chỉ số Chuyển đổi số năm 2022 của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh tại Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Căn cứ Chỉ số chuyển đổi số năm 2022, các sở, ban, ngành, UBND các huyện thị xã, thành phố tổ chức quán triệt, rút kinh nghiệm, có giải pháp đẩy mạnh chuyển đổi số, cải thiện Chỉ số chuyển đổi số những năm tiếp theo.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ TTTT (để b/c);
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- BCĐ CCHC của tỉnh (Sở Nội vụ);
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm CN và Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX_(Nh-10b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Hà